

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá giữ kỳ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong lĩnh vực công tác dân tộc và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 647/SKHĐT-TH ngày 11/4/2023 về việc đánh giá giữa kỳ Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025; Ban Dân tộc tổng báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong lĩnh vực công tác dân tộc và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

I. Khái quát chung

1. Về tình hình kinh tế-xã hội: Kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục tăng trưởng; mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt, đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 4,73% xuống còn 30,91% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 14,00%; có 05 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa.

2. Về giáo dục: Toàn vùng có 07 trường PTDTNT (01 trường THPT DTNT tỉnh và 06 trường THCS DTNT huyện ở 05 huyện miền núi) với tổng chỉ tiêu học sinh DTNT là 1.900 học sinh; và 32 trường PTDTBT (TH: 06 trường; TH-THCS: 17 trường; THCS: 09 trường) với tổng số học sinh 10.345 học sinh; 100% xã có trường, lớp mầm non chuẩn quốc gia, tỷ lệ trẻ mầm non ra lớp đạt 92,96%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước. Tại 05 huyện miền núi có 16/71 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 22,53%); có 18/35 trường tiểu học đạt chuẩn (tỷ lệ 51,42%); có 22/70 trường THCS đạt chuẩn (tỷ lệ 31,42%) và 4/10 trường THPT đạt chuẩn (tỷ lệ 40,00%) đạt chuẩn.

3. Về y tế: Công tác y tế được triển khai thực hiện toàn diện, đầy đủ và hiệu quả; 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78.3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hồ xí hợp vệ sinh

đạt 53,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 27,75%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51)...

4. Về an ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động nắm bắt tình hình an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp của các thế lực thù địch, các tà giáo, mị dân...

II. Đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025

1. Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác dân tộc

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc và các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy (*Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4, khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi*), Kế hoạch của UBND tỉnh (*Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi*); căn cứ Hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc tại Công văn số 655/UBDT-KHTC ngày 29/4/2022 về việc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

UBND tỉnh đã giao các sở, ngành và các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo chức năng, nhiệm vụ chủ động rà soát xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc và Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh đạt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; theo đó, đề ra các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đồng thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện; trong đó, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ

trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các tổ chức chính trị, xã hội liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch.

Sau gần một năm triển khai thực hiện, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra; một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra đạt kết quả khá tốt; trong đó, chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 6,13% theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, vượt chỉ tiêu đề ra (Kế hoạch là giảm 4 - 4,5%/năm); hàng năm, giải quyết việc làm cho 6130 người (vượt Kế hoạch là từ 5000 đến 6000 người)...

2. Công tác quán triệt và chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết

- Tổ chức quán triệt đến các sở, ban, ngành, các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh, hội đoàn thể tỉnh Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc (*Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022*), Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị nhằm tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4, khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi tỉnh và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022; giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đảm bảo an ninh, quốc phòng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS và MN).

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1530/UBND-KGVX ngày 06/4/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 3325/UBND-KGVX ngày 07/7/2022 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; theo đó đã chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo chức năng, nhiệm vụ chủ động rà soát xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 và Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh đạt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

3. Kết quả thực hiện

a. Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của cơ quan làm công tác dân tộc từ cấp tỉnh đến cấp huyện và công chức làm công tác dân tộc cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc nhất là thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; sắp xếp tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh theo hướng tinh gọn, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, đến

nay Ban Dân tộc đã sắp xếp lại còn 3 phòng với 17 biên chế (giảm 02 phòng, 01 biên chế) là cơ quan thường trực Chương trình trong năm 2022 đã tham mưu Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện tốt Chương trình đạt được nhiều kết quả.

- Tập trung chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai thực hiện đồng bộ và quyết liệt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025 để phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân; từng bước gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 giảm 5,37% (Kế hoạch mỗi năm giảm từ 4- 4,5%).

- Đến cuối năm 2022 có 22,53 % Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, 51,42% Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, 32,85% Trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia, 50% Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Đến cuối năm 2022, giải quyết việc làm cho 6.130 lao động.

- 100% xã có điện lưới quốc gia

- Có 05 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới đạt 8,2 %, và có 02 xã đăng ký đạt nông thôn mới.

- 78,3 % đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông.

- 95,5% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp; công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được quan tâm.

- 100% xã, thị trấn có Trạm y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế được nâng cao, đảm bảo 100% xã có bác sỹ .

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống còn 27,5%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51).

- Từng bước giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và MN; 100% đồng bào DTTS nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ che phủ rừng của vùng đạt 52%.

** Một số kết quả thực hiện trong công tác giảm nghèo theo chuẩn đa chiều năm 2022 trên địa bàn các huyện miền núi*

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (trong tổng số hộ dân tộc thiểu số) đầu năm 2022 là 41,59% đến cuối năm 2022 giảm xuống còn 35,46%, giảm 6,13% vượt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm trên 3,0%). Như vậy, chỉ tiêu này đảm bảo đạt theo lộ trình đề ra vào cuối năm 2025 (bình quân giảm trên 3%/năm).

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về các nội dung triển khai công tác giảm nghèo năm 2022 đảm bảo theo kế hoạch đề ra đến cuối năm 2025.

- Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: Các dự án, chính sách hiện hành được thường xuyên tổ chức triển khai thực hiện, cùng với nỗ lực của người dân trên địa bàn tỉnh, trong đó có sự nỗ lực của hộ nghèo nên đã giải quyết được các chỉ tiêu thiếu hụt đạt theo kế hoạch đề ra và đảm bảo theo lộ trình đến cuối năm 2025, cụ thể:

+ Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm (cuối năm 2025 đạt 100%).

+ Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế, chỉ tiêu này đảm bảo theo kế hoạch đến năm 2025; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống còn 34,1%, đạt 98,4% so với kế hoạch đến năm 2025. Như vậy, các chỉ tiêu này đảm bảo theo lộ trình kế hoạch đến năm 2025.

+ Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 30%, đạt 50% so với kế hoạch đến năm 2025 (60%), trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 18%, đạt 72% so với kế hoạch đến năm 2025.

+ Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 78,84% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 87,6% so với kế hoạch đến năm 2025; ít nhất 57,4% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, đạt 95,78% so với kế hoạch đến năm 2025. Như vậy, các chỉ tiêu đảm bảo theo lộ trình đến năm 2025. Đến cuối năm 2020, tỷ hộ nghèo, hộ cận

nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 75%; đến năm 2022 là 78,84%, tăng 3,84%.

+ Chiều thiếu hụt về thông tin: 90,97% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông, đạt 95,72% so với kế hoạch đến năm 2025.

c. Đánh giá chung

- Thuận lợi

+ Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh trong việc triển khai xây dựng, ban hành các quy định liên quan đến thực hiện Chương trình.

+ Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, doanh nghiệp và nhân dân trên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bước đầu đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, tiếp cận các nội dung, Tiểu dự án, Dự án thuộc Chương trình ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình kịp và vượt tiến độ so với các tỉnh khác trong toàn quốc có thực hiện Chương trình.

+ Nguồn lực đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn các huyện miền núi từ các Chương trình mục tiêu quốc gia tăng cao so với giai đoạn 2016 – 2020, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hạn chế, khó khăn:

+ Nguồn lực đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn các huyện miền núi từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi rất, tuy nhiên đến quý III năm 2022 mới phân bổ vốn về cho các tỉnh, vì vậy áp lực thực hiện giải ngân nguồn vốn và kinh phí rất lớn và gặp nhiều khó khăn khi còn nhiều thiếu văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành trung ương.

+ Đến thời điểm hiện nay chỉ còn 3 năm thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 vì vậy việc hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu của Nghị quyết số 06-NQ/TU và Chiến lược công tác dân tộc đã đề ra cũng là nhiệm vụ hết sức nặng nề, đòi hỏi có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự nỗ lực thực hiện của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các hội đoàn thể tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì các nội dung thành phần, Tiểu dự án, Dự án thuộc Chương trình.

+ Việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân trên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh đã được các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện song chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên vùng trong tình hình mới.

+ Việc triển khai mô hình gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

bước đầu đã được hình thành song còn nhiều khó khăn do đây là cách làm mới, các địa phương còn lúng túng, người dân chưa quyết tâm tham gia thực hiện.

d) Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách dân tộc, nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, Nhân dân, doanh nghiệp về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường công tác tập huấn nâng cao năng lực của cán bộ công chức làm công tác dân tộc các cấp, người có uy tín, trưởng thôn, cán bộ Đoàn thanh niên, phụ nữ cấp xã, thôn để tham gia triển khai thực hiện Chương trình từ tỉnh đến cơ sở một cách đồng bộ và đảm bảo đúng chính sách.

- Tạo điều kiện để lãnh đạo, cán bộ công chức làm công tác dân tộc được tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về thực hiện Chương trình.

- Thực hiện đảm bảo các nguyên tắc của Chương trình theo hướng tăng đầu tư gián tiếp, hạn chế hỗ trợ trực tiếp; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người dân thông qua các dự án liên kết theo chuỗi giá trị.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế tồn tại, vướng mắc của địa phương để chấn chỉnh và có giải pháp tháo gỡ kịp thời.

II. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1. Về tổ chức bộ máy, thành lập ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

- Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình đã Quyết định thành lập BCĐ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Dân tộc là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện có tổ chức phòng Dân tộc); Chánh Văn phòng huyện là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện không tổ chức phòng Dân tộc).

2. Về việc xây dựng và ban hành quy chế thực hiện, phân công phân nhiệm, phối hợp thực hiện Chương trình

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh.

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình: Hiện nay tỉnh đã giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện các chương trình.

- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực: Hiện nay tỉnh đang thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh ban hành.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ ngành Trung ương và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thông tin, truyền thông, vận động: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; trên cơ sở đó, UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

- Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân: UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức Đoàn công tác học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các tỉnh phía Bắc từ ngày 24/4/2022 đến ngày 30/4/2022; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện Chương trình.

Thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban

Dân tộc về việc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND các huyện thực hiện Chương trình và các sở, ngành được giao chủ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương. Hiện nay Ban Dân tộc tỉnh đang xây dựng Kế hoạch theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình năm 2023 đề trình UBND tỉnh ban hành.

3. Kết quả thực hiện Chương trình

3.1. Kết quả huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hàng năm:

a) Năm 2022:

- Tổng vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh là 378.388 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương là 332.493 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 218.108 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 114.384 triệu đồng);

+ Vốn ngân sách tỉnh là 37.697 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 23.816 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 13.881 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách huyện đối ứng: Trong năm 2022, huyện Minh Long đã bố trí vốn đối ứng là 198 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp.

+ Vốn vay tín dụng: Trong năm 2022, thực hiện 8.000 triệu đồng (huyện Sơn Hà thực hiện 5.000 triệu đồng và huyện Trà Bồng 3.000 triệu đồng)

- Kết quả giải ngân các nguồn vốn: Tổng vốn đã giải ngân năm 2022 là 177.189 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương là 160.866 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 123.550 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 37.336 triệu đồng), đạt tỷ lệ 48,38%.

+ Vốn ngân sách tỉnh là 12.648 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 11.872 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 776 triệu đồng), đạt tỷ lệ 33,55%.

+ Vốn ngân sách huyện là 20 triệu đồng, đạt tỷ lệ 10,1%

+ Vốn tín dụng là 3.635 triệu đồng, đạt tỷ lệ 45,43%.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: Trong năm 2022 chưa thực hiện được nguồn vốn này.

b) Năm 2023:

- Tổng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh là 753.740 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương là 642.289 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 282.724 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 359.565 triệu đồng);

+ Vốn ngân sách tỉnh là 68.672 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 28.557 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 40.115 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách huyện đối ứng (tối thiểu 5%) là 27.679 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư là 13.854 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 13.825 triệu đồng);

+ Vốn vay tín dụng là 15.100 triệu đồng (gồm các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long để thực hiện cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-BDD ngày 28/3/2023 của Trưởng ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Quảng Ngãi).

- Kết quả giải ngân các nguồn vốn: Tổng vốn đã giải ngân đến 31/3/2023 là 3.859 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, đạt tỷ lệ 0,6%.

3.2. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 78.574 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư 59.765 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 54.332 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 5.433 triệu đồng); vốn sự nghiệp 10.776 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 9.796 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 980 triệu đồng); vốn ngân sách huyện 33 triệu đồng; vốn vay tín dụng là 8.000 triệu đồng. UBND tỉnh ban hành Công văn số 5319/UBND-KGVX ngày 19/10/2022 hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách và Công văn số 5611/UBND-KGVX ngày 03/11/2022 áp dụng hạn mức giao đất ở để xây dựng nhà ở thuộc Dự án 1 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định của cấp có thẩm quyền về mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tập trung từ nguồn vốn đầu tư công, nên các huyện chưa thực hiện các nội dung hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất ở và hỗ trợ đất sản xuất từ nguồn vốn này mà tập trung thực hiện đầu tư chủ yếu xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung. Trong năm 2022, đã bố trí vốn thực hiện 43 công trình nước sinh hoạt tập trung; đã giải ngân là 34.985 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 31.246 triệu đồng (gồm ngân sách Trung ương là 29.074 triệu đồng; ngân sách tỉnh 2.173 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 104 triệu đồng từ ngân sách Trung ương; vốn vay tín dụng là 3.635 triệu đồng.

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 25.639 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư công; trong đó: Ngân sách Trung ương là 23.308 triệu đồng; ngân sách tỉnh

2.331 triệu đồng. Trong năm 2022, đã bố trí vốn thực hiện 10 dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư; đã giải ngân là 8.221 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư công (trong đó: ngân sách Trung ương 7.086 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.135 triệu đồng). Chưa thực hiện bố trí dân cư do các dự án trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

c.1) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Tổng vốn phân bổ thực hiện là 43.844 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 38.125 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.719 triệu đồng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện khoán bảo vệ rừng và thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng. Tổng diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã, thuộc các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long (Tiểu Dự án 1 – Dự án 3) là 63.567,3 ha (gồm: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 47.694,24 ha và Hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã là 15.873,01 ha); đã giải ngân là 25.317 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Trung ương.

c.2) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 18.229 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 16.468 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1.720 triệu đồng; ngân sách huyện 41 triệu đồng.

+ Đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021 – 2025, thực hiện nội dung Công văn số 6205/UBND-KGVX của UBND tỉnh, hiện nay các địa phương đang xây dựng kế hoạch gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp xây dựng kế hoạch chung của tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt. Trong năm 2022, do có những vướng mắc về cơ chế quy định chưa được ban hành như: Định mức hỗ trợ, Nghị quyết về quy trình thủ tục thực hiện dự án, cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất...; hơn nữa, hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là nội dung mới, là phương thức hỗ trợ thông qua dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị, do đó các địa phương chưa tiếp cận với cách thức hỗ trợ mới thông qua chuỗi giá trị, còn gặp nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện.

+ Đối với nội dung Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 25/11/2022 về việc thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 năm 2022; Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 01 Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; Sở Công Thương tổ chức 03 hoạt động để các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS và MN tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa tại các tỉnh Đắk Nông, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh; đã giải ngân là 361 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương là 320 triệu đồng; ngân sách tỉnh 41 triệu đồng).

- Nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 9.121 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư công là 7.108 triệu đồng (ngân sách trung ương là 6.181 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 927 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.013 triệu đồng (ngân sách trung ương là 1.830 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 183 triệu đồng). Thực hiện Quyết định số 1353/QĐ-BYT ngày 26/5/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; theo đó, Viện Dược liệu-Bộ Y tế phối hợp với UBND huyện Trà Bồng và các Phòng, ban chuyên môn, UBND các xã: Sơn Trà, Trà Phong, Trà Bùi, Trà Tây, Trà Thanh, Hương Trà tổ chức khảo sát, chọn địa điểm để triển khai thực hiện vùng trồng dược liệu và được thống nhất tại “Báo cáo hỗ trợ nghiên cứu, khảo sát, tư vấn đánh giá và xây dựng phương án phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Trà Bồng”. Tuy nhiên, do vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế chưa hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên đến nay dự án chưa triển khai thực hiện, chưa có kết quả giải ngân.

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

d.1) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 119.479 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 113.056 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 102.778 triệu đồng; ngân sách tỉnh 10.278 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 6.423 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 5.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh 582 triệu đồng; ngân sách huyện là 20 triệu đồng). Trong năm 2022, các huyện đã triển khai thi công 135 công trình; hầu hết đã thi công hoàn thành và bàn giao một số công trình đưa vào sử dụng; đã giải ngân là 78.728 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công 75.950 triệu đồng (ngân sách trung ương 70.347 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.603 triệu đồng); vốn sự nghiệp

2.779 triệu đồng (ngân sách trung ương 2.537 triệu đồng; ngân sách tỉnh 236 triệu đồng; ngân sách huyện 06 triệu đồng).

d.2) Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện vì không có đối tượng theo quy định tại tiểu dự án này.

e) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

e.1) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTN), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 29.594 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 27.348 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 23.443 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 3.905 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.245 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 2.021 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 223 triệu đồng; ngân sách huyện 02 triệu đồng). Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện đã bố trí vốn để thực hiện 17 công trình (Sở Giáo dục và Đào tạo 04 công trình; UBND các huyện 14 công trình); triển khai 05 lớp tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ trên địa bàn 05 huyện miền núi; Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện mua sắm 11 máy tính để bàn và 11 màn hình hiển thị cấp cho 09 trường THPT và tổ chức tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đã giải ngân là 18.251 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công là 17.786 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương là 15.178 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.608 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 465 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương là 404 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 61 triệu đồng).

e.2) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 2.781 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 2.462 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 308 triệu đồng; ngân sách huyện là 11 triệu đồng). Ban Dân tộc đã tổ chức 13 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 4 tại 5 huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây cho 339 học viên; đã giải ngân là 1.070 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương (Chương trình MTQG) và 03 lớp cho đối tượng 3 với tổng số người tham gia là 145 từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí năm 2022 thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025”.

e.3) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 12.164 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 10.945 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1.204 triệu đồng; ngân sách huyện là 15 triệu đồng). Đã tổ chức 20 phiên giao dịch việc làm với các hình thức đa dạng hóa (cố định, lưu động, trực tuyến) nhằm phổ biến

thông tin thị trường lao động cho người lao động, kết nối cung cầu lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm cho 13.942 lượt người, kết nối việc làm cho khoảng 4.269 lượt người. Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động đã có 66 lao động tại huyện nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã xuất cảnh (*gồm thị trường Nhật Bản 42 lao động, Hàn Quốc 21 lao động, Đài Loan 03 lao động*), chờ xuất cảnh là 56 lao động; đã giải ngân là 328 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương.

e.4) **Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:** Tổng vốn phân bổ thực hiện là 4.03 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 3.625 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 453 triệu đồng; ngân sách huyện là 05 triệu đồng). UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; đã giải ngân 275 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách trung ương.

f) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Tổng vốn phân bổ thực hiện là 5.906 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư 4.140 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 3.700 triệu đồng; ngân sách tỉnh 440 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 1.766 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 1.571 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 190 triệu đồng; ngân sách huyện là 05 triệu đồng). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện đang triển khai thực hiện như: tổ chức điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện 02 nội dung đầu tư công thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện các hoạt động sự nghiệp và phổ biến các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương trong quản lý, triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá, giám sát Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi và Dự án 6 tại địa phương. Điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện Dự án Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Kor tại huyện Trà Bồng; địa điểm thực hiện Dự án Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt về Địa điểm Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; UBND các huyện đã thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo 07 Nhà Văn hóa thôn; đã giải ngân là 2.681 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư công 2.219 triệu đồng (ngân sách Trung ương 1.866 triệu đồng; ngân sách tỉnh 353 triệu đồng); vốn sự nghiệp 462 triệu đồng (ngân sách Trung ương 353 triệu đồng; ngân sách tỉnh 109 triệu đồng).

g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Tổng vốn phân bổ thực hiện là 2.624 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 2.368 triệu đồng; ngân sách tỉnh 249 triệu đồng; ngân sách huyện là 07 triệu đồng). Sở Y tế đã triển khai 01 lớp tập huấn nâng

cao năng lực quản lý dân số vùng ĐBDTTS&MN cho đối tượng là Lãnh đạo Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, phòng Dân số và viên chức làm công tác dân số tại Trạm Y tế 61 xã vùng ĐBDTTS&MN; 02 lớp nâng cao chất lượng dân số vùng ĐBDTTS&MN cho đối tượng là Cộng tác viên dân số thuộc huyện Sơn Hà và huyện Trà Bồng; Tập huấn chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến cộng tác viên/Y tế thôn bản, tổng cộng 13 lớp, số người tham dự: 279 người; đã giải ngân là 1.606 triệu đồng (ngân sách Trung ương 1.436 triệu đồng; ngân sách tỉnh 163 triệu đồng; ngân sách huyện là 07 triệu đồng).

h) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Tổng vốn phân bổ thực hiện là 6.348 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương là 5.708 triệu đồng; ngân sách tỉnh 627 triệu đồng; ngân sách huyện là 13 triệu đồng). Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã thành lập 30 Tổ truyền thông cộng đồng tại 30 thôn/6 huyện; thành lập mới và củng cố, nâng cao chất lượng 06 Địa chỉ tin cậy cộng đồng; tổ chức 02 hội nghị hướng dẫn thành lập và vận hành quản lý Tổ truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook...; 02 Hội nghị tuyên truyền xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới tại cơ sở; 02 hội nghị hướng dẫn đối thoại chính sách và giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; 02 hội nghị cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực lồng ghép giới; 12 hội nghị cho cán bộ thôn, người có uy tín trong thôn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cộng đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ các huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 8 cho giai đoạn và năm 2022; thành lập Ban Điều hành; Quy chế làm việc của Ban Điều hành; Tổ giúp việc Ban Điều hành Dự án và xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương theo lộ trình; đã thành lập 04 Tổ truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng và truyền thông hướng dẫn xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook; tổ chức 05 lớp tập huấn hướng dẫn vận hành quản lý Tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn truyền thông; 02 Hội nghị tuyên truyền Dự án 8 và xóa bỏ định kiến giới, khuôn khổ mẫu giới tại cơ sở; 02 lớp tập huấn về nâng cao chất lượng Địa chỉ tin cậy cộng đồng; 02 lớp tập huấn hướng dẫn đối thoại chính sách và giám sát, đánh giá việc thực hiện Dự án 8; đã giải ngân là 1.507 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.470 triệu đồng; ngân sách tỉnh 33 triệu đồng; ngân sách huyện là 04 triệu đồng).

i) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

i.1) Tiểu Dự án 1; Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 10.297 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 9.333 triệu đồng; ngân sách tỉnh 933 triệu đồng; ngân sách huyện là 31 triệu đồng; đã giải ngân là 2.020 triệu đồng từ

nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.948 triệu đồng; ngân sách tỉnh 72 triệu đồng).

i.2) Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 1.543 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 1.385 triệu đồng; ngân sách tỉnh 149 triệu đồng; ngân sách huyện là 09 triệu đồng. Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện năm 2022; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện tổ chức 05 Hội nghị hội nghị phổ biến, tuyên truyền giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên; những tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại một số trường THCS đóng trên địa bàn các huyện miền núi; ban hành Kế hoạch phối hợp với huyện Sơn Hà và huyện Ba Tơ tổ chức Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại Trường THPT trên địa bàn huyện Sơn Hà và Ba Tơ vào tháng 11/2022; đã giải ngân 761 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 741 triệu đồng; ngân sách tỉnh 18 triệu đồng; ngân sách huyện là 03 triệu đồng).

j) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

j.1) Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG.

Tổng vốn phân bổ thực hiện là 1.775 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.580 triệu đồng; ngân sách tỉnh 191 triệu đồng; ngân sách huyện là 04 triệu đồng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 –2025 (tại Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022). Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-BDT ngày 24/01/2022 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; Tiếp tục cấp báo Quảng Ngãi, báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín; tổ chức cho người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh từ ngày 23/4-29/4. Thăm viếng 14 trường hợp: viếng 04 người có uy tín qua đời, 02 thân nhân qua đời; thăm 08 gia đình người có uy tín gặp khó khăn, và hỗ trợ với tổng kinh phí 14 triệu đồng theo định mức quy định; cấp phát 27 đài radio cho người có uy tín được thay thế trong năm 2022; phối hợp UBND các huyện trao tặng 55 điện thoại thông minh Vsmart do Quỹ Thiện tâm của Tập đoàn Vingoup tài trợ (do Ủy ban Dân tộc ủy quyền) cho 55 người có uy tín. Tổ chức đón tiếp, gặp mặt 06 đoàn của các huyện trong tỉnh và 07 đoàn ngoài tỉnh. Tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo

Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào cuối tháng 10 năm 2022; đã giải ngân 677 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương 622 triệu đồng; ngân sách tỉnh 14 triệu đồng; ngân sách huyện là 01 triệu đồng).

j.2) Tiểu dự án 2; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 5.551 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư công là 4.868 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 4.366 triệu đồng; ngân sách tỉnh 502 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 682 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 605 triệu đồng; ngân sách tỉnh 77 triệu đồng; ngân sách huyện là 01 triệu đồng). Hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10; Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên chưa thể thực hiện nội dung này. Đối với các nội dung thực hiện của Liên minh HTX tỉnh đã tổ chức 03 Hội nghị, hội thảo (Hội nghị nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý và thành viên HTX vùng đồng bào DTTS&MN; Hội nghị Ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý và thành viên HTX vùng đồng bào DTTS&MN; Hội thảo Ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển sản xuất cho HTX vùng đồng bào DTTS&MN) với tổng số lượt người tham dự là 183 người; đã giải ngân là 78 triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp, trong đó: Ngân sách trung ương là 64 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 14 triệu đồng.

j.3) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: Tổng vốn phân bổ thực hiện là 836 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 742 triệu đồng; ngân sách tỉnh 93 triệu đồng; ngân sách huyện là 01 triệu đồng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở đó, hiện nay UBND các huyện, các sở ngành được giao nhiệm vụ cũng đã ban hành kế hoạch kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình. Trong năm 2022, Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh đã tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn các xã, huyện (gồm: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng). Ban Dân tộc tỉnh đã có kế hoạch kiểm tra huyện Minh Long và 02 thôn của huyện Nghĩa Hành tuy nhiên chưa kịp thực hiện kiểm tra tại 02 huyện này. Ngoài ra, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì hướng dẫn thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần như Sở Tư pháp, Công thương, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh..., cũng đã tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn các huyện; đã giải ngân 323

triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 307 triệu đồng; ngân sách tỉnh 16 triệu đồng).

2.2. Tình hình thực hiện và giải ngân năm 2023

Trong 03 tháng đầu năm 2023, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện được giao vốn thực hiện Chương trình trong năm 2023 đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thực hiện đầu tư; UBND tỉnh mới ban hành Quyết định phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình. Do vậy tình hình giải ngân trong 03 tháng đầu năm đạt kết quả chưa cao. Kết quả giải ngân trong 03 tháng đầu năm: 3.859 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư ngân sách Trung ương.

4. Đánh giá chung

4.1. Kết quả đạt được

- Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả tích cực; UBND tỉnh đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; giao nhiệm vụ cho các sở, ngành có liên quan tham mưu triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (tại Công văn số 2842/UBND-KGVX ngày 13/6/2022). Đến nay, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành tương đối đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện được giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn, thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, các nội dung thành phần (theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025) đã tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, địa phương mình.

4.2. Hạn chế, tồn tại.

a) Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

b) Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành. Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương thông báo cho tỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

c) Một số Sở, ngành được giao nhiệm vụ chỉ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh mà chỉ thực hiện đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình.

d) UBND các huyện thực hiện Chương trình còn gặp nhiều lúng túng trong việc nghiên cứu, áp dụng triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh; chưa có giải pháp để đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình. Trong năm 2022, hầu hết các huyện chưa bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình.

đ) Việc triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Dự án 1 (*Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*): Tại Khoản 2, Điều 5, Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “*Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định*”; tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản thực hiện cơ chế đặc thù đối với các trường hợp này gây khó khăn cho các địa phương thực hiện việc thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất.

- Tiểu dự án 1, Dự án 3 (*phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*): Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND tỉnh, toàn bộ kinh phí sự nghiệp của Tiểu dự án này giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện; tuy nhiên, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì một số nội dung thuộc Tiểu dự án này do cấp huyện thực hiện nhưng Sở Nông nghiệp và PTNT không thể phân bổ vốn trực tiếp cho các huyện để thực hiện các nội dung của Tiểu dự án này tại địa phương.

Về xác định tiêu chí “*Hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực*” để thực hiện nội dung “*Trợ cấp gạo theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT*”. Qua rà soát các văn bản hướng dẫn của Trung ương không có nội dung nào hướng dẫn liên quan đến việc xác định “*hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực*” nên không có cơ sở để xác định đối tượng thụ hưởng nội dung trợ cấp gạo.

- Tiểu dự án 2, Dự án 3 (*Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN*):

+ Đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

Hiện nay, các địa phương đang lúng túng trong cách thức tổ chức triển khai thực hiện; các danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của các huyện chưa phù hợp (*còn chung chung, quy*

mô tương đối nhỏ); một số địa phương chưa rõ thẩm quyền phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trung hạn theo quy định tại điểm b Điều 18 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; chưa chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức lựa chọn danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng trung hạn trình UBND cấp huyện phê duyệt; chưa thành lập các tổ, nhóm cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Theo Tiêu chí phân bổ vốn tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh, trong năm 2022, UBND tỉnh phân bổ vốn cho Hội Nông dân tỉnh, Liên Minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn và Ban Dân tộc tỉnh để thực hiện nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư; tuy nhiên theo báo cáo của Hội Nông dân tỉnh thì hiện nay không triển khai thực hiện được nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do vướng quy định về phân cấp quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cộng đồng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND (*phân cấp UBND cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi trong huyện; UBND cấp xã làm chủ đầu tư các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng*).

Tại khoản 6, Điều 21, Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định: Cơ quan được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng thực hiện với đơn vị chủ trì liên kết (Doanh nghiệp, HTX); đơn vị chủ trì liên kết dự án có trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ các điều khoản cam kết trong hợp đồng (tại điểm 3, Điều 14, Thông tư 10 của Bộ Y tế). Tuy nhiên, trong năm 2022, mẫu hợp đồng chưa được Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể.

+ Đối với nội dung hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý: Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định: “Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án”. Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa có cơ sở chế biến dược liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến dược liệu quý. Ngoài ra, Thông tư này chưa hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

Ngoài ra, tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện; các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo

chuỗi giá trị và được liệu giải ngân sau đầu tư, chu kỳ hỗ trợ cho cả giai đoạn nên khó khăn trong việc giải ngân kế hoạch vốn hàng năm.

- Tiêu dự án 1, Dự án 4:

Tại Nội dung số 02 (*Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN*): theo đề xuất danh mục đầu tư công về xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ của các huyện để làm cơ sở phân bổ vốn Tiêu dự án 1, Dự án 4 giai đoạn 2021 –2025 có 16 danh mục xây dựng chợ, gồm: 11 danh mục chợ xây dựng mới và 05 danh mục chợ nâng cấp, sửa chữa (*đã được HĐND các huyện thông qua*). Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 của Bộ Công Thương thì tỉnh Quảng Ngãi được phân bổ đầu tư xây dựng mới 01 chợ và nâng cấp, cải tạo 04 chợ nhưng không có danh mục chợ cụ thể gây khó khăn cho các địa phương trong xác định danh mục chợ phù hợp để làm cơ sở phân bổ vốn và triển khai thực hiện.

- Tiêu dự án 2, Dự án 5 (*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN*):

+ Tại Nội dung số 01: Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4; chưa ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

+ Tại Nội dung số 02: Đào tạo đại học và sau đại học: Theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ thì đối tượng được hỗ trợ là học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học đã làm thu hẹp đối tượng được hỗ trợ; đồng thời tại Thông tư này chưa hướng dẫn rõ quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học. Hơn nữa, hiện nay học sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Tiêu dự án 3, Dự án 5 (*phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và miền núi*): Nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện nội dung đào tạo nghề lớn, trong khi đó, theo báo cáo của một số huyện, hiện nay số lượng đối tượng có nhu cầu đào tạo nghề thấp nên rất khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn đối với Tiêu dự án này.

- Tiêu dự án 4, Dự án 5 (*Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*): Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp.

- Dự án 6: Các chỉ tiêu, nhiệm vụ Dự án 6 theo Kế hoạch, Nghị quyết của địa phương đã được ban hành và đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh không trùng chỉ tiêu, nhiệm vụ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao tại Công văn số 2651/BVHTTDL-KHTC ngày 19/7/2022. Chưa hướng dẫn nội dung tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện, xã; chưa hướng dẫn tiêu chí cụ thể việc hỗ trợ nghệ nhân để có căn cứ đưa vào chỉ tiêu thực hiện (mục 4, 12 Hướng dẫn số 677 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số).

- Tiêu dự án 1, Dự án 9 (*đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*): Chưa hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

- Tiêu dự án 1, Dự án 10 (*Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình*): Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến.

+ Tiêu dự án 2, Dự án 10 (*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN*): Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên không thể lập danh mục dự án đầu tư (*đối với nguồn vốn đầu tư công*). Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “*Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự*” nên chưa thể thực hiện nội dung này.

- Ngày 31/3/2023, Ủy ban Dân tộc ban hành Công văn số 469/UBND-CTMTQG về việc hướng dẫn nội dung thuộc lĩnh vực chi vốn sự nghiệp các Dự án, Tiêu dự án Chương trình MTQG DTTS&MN; theo đó, vốn sự nghiệp được giao cụ thể theo từng Tiêu dự án, dự án và lĩnh vực chi nên đối với các Dự án, Tiêu dự án được giao vốn nhiều nhưng khó thực hiện do vướng mắc về cơ chế, chính sách sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải ngân vốn vì không thể điều chỉnh chi cho các nội dung khác.

Các nội dung khó khăn, vướng mắc nêu trên thuộc thẩm quyền của Trung ương đã được UBND tỉnh kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương tại Công văn số 4558/UBND-KGVX ngày 12/9/2022 và Công văn số 6654/UBND-KGVX ngày 30/12/2022 và đã được Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ ngành Trung ương giải quyết tại Công điện số 71/CD-TTg ngày 23/02/2023. Đến nay, Ủy ban Dân tộc và một số Bộ,

ngành Trung ương liên quan đã có hướng dẫn một số nội dung để tháo gỡ những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

5. Đề xuất, kiến nghị

5.1. Đối với cơ quan Trung ương

- Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 theo Tờ trình số 1236/TTr-BKHĐT về khó khăn vướng mắc và giải pháp thực hiện giao vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

- Ngày 21/3/2023, Ủy ban Dân tộc ban hành Công văn số 405/UBNDT-VPCTMTQG về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ theo đó có nhiều nội dung UBNDT đang nghiên cứu xây dựng dự thảo xin ý kiến Thủ tướng về giải pháp thực hiện; hoặc các nội dung UBNDT tiếp thu và sửa đổi nội dung Thông tư 02/2022/TT-UBNDT ngày 30/6/2022. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành.

- Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc: Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định các nội dung thực hiện Tiểu dự án 3 (*Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*) của Dự án 10 (*Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*) chưa quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ. Vì vậy, kính đề nghị Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bổ sung nội dung này vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg

- Kính đề nghị Bộ Tài chính

+ Tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính quy định: “Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”; tuy nhiên, đối chiếu tại Điều 4 của Thông tư này không quy định rõ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này.

- Tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện (nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án).

- Kính đề nghị Bộ Y tế: Tại Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế chưa hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; kính đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn, cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với dự án này.

- Kính đề nghị Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch hướng dẫn nội dung tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện, xã; hướng dẫn tiêu chí cụ thể việc hỗ trợ nghệ nhân để có căn cứ đưa vào chỉ tiêu thực hiện (mục 4, 12 Hướng dẫn số 677 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số)

- Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.

5.2. Đối với cơ quan cấp tỉnh

a) Kính đề nghị HĐND tỉnh: Cho phép điều chỉnh vốn của các Tiểu dự án, các Nội dung thành phần sử dụng vốn đầu tư công của Dự án 1, Dự án 3, Dự án 10 không thể giải ngân vốn trong năm 2023 (kể cả vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023) do vướng quy định, cơ chế của Trung ương sang các dự án khác để đảm bảo hoàn thành giải ngân trong năm 2023.

b) Kính đề nghị UBND tỉnh

- Tiếp tục có văn bản kiến nghị các Bộ, ngành TW hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành của tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; các Sở, ngành được giao chủ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xử lý, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời, chủ động đề nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình do đơn vị mình chủ trì; kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện.

c) Đối với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan

- Đề nghị các Sở, ngành tập trung triển khai thực hiện Chương trình theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Cập nhật các nội dung hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ ngành TW để triển khai thực hiện; tiếp tục báo cáo những khó khăn vướng mắc trong thực hiện Chương trình gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp gửi Sở Kế và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh tiếp tục báo cáo, kiến nghị với các Bộ ngành TW.

- Đề nghị Sở Kế hoạch Đầu tư kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn sử dụng cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trong Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ hoặc cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ, thực hiện nguồn vốn này theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với dự án này.

- Hiện nay, một số Tiểu dự án, Nội dung thành phần sử dụng vốn đầu tư công của Dự án 1, Dự án 3, Dự án 10 chưa được các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn cụ thể, còn nhiều vướng mắc; vì vậy, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn để trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh sang thực hiện các dự án khác nhằm đảm bảo khả năng giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 (kể cả vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023) theo quy định.

- Sở Công Thương xin ý kiến của Bộ Công Thương đối với danh mục dự án chợ được đầu tư của tỉnh tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022; trên cơ sở đó, hướng dẫn UBND huyện rà soát, trình HĐND cấp huyện phê duyệt danh mục, địa điểm các chợ được đầu tư xây mới và chợ cải tạo, nâng cấp giai đoạn 2021 –2025 thuộc Chương trình để làm cơ sở đưa vào tiêu chí tính điểm phân bổ vốn đầu tư của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 cho các huyện trong những năm tiếp theo

5.. Đối với UBND cấp huyện, xã

- Trên cơ sở các văn bản ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện đã được ban hành, triển khai thực hiện tốt Chương trình; chủ động rà soát, tham mưu, kiến nghị và đề xuất giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp, thông tin, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, số liệu rõ ràng, đầy đủ, đúng thời hạn để tổng hợp báo cáo cho các cấp thẩm quyền theo quy định.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo đề Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân